

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Toàn Cầu
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: (842) 4 3377 6699
- Người thực hiện công bố thông tin: Đỗ Trung Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu công bố thông tin về việc tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 được triệu tập lần thứ 2 như sau:

- Thời gian họp: 08h00 ngày 02 tháng 08 năm 2018;
- Địa điểm tổ chức: Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Đối tượng họp: Danh sách cổ đông chốt ngày 21/06/2018.

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20 tháng 07 năm 2018 tại đường dẫn: vgs.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2018 lần thứ 2 ./.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

**THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018 LẦN THỨ 2**

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 lần thứ 2 của Công ty cổ phần chứng khoán Toàn Cầu, cụ thể như sau:

1. **Thời gian:** [08] h [00] ngày 02 tháng 08 năm 2018
2. **Địa điểm:** Trụ sở Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu - Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
3. **Nội dung đại hội:** Theo chương trình đính kèm
4. **Điều kiện tham dự:** các cổ đông sở hữu cổ phần tính đến ngày 21/06/2018
5. **Xác nhận tham dự Đại hội:**

Để việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành công tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự (theo mẫu đính kèm) gửi đến Công ty qua fax, email hoặc gửi thư chậm nhất lúc 15h00 ngày 30 tháng 07 năm 2018 theo địa chỉ:

Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (02) 4 3377 6699

6. Tài liệu sử dụng tại Đại hội

Tài liệu được sử dụng tại Đại hội được Công ty đăng tải lên Website: <http://vgs.vn/index.php/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>, đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trước và mang theo để sử dụng trong Đại hội.

Quý cổ đông lưu ý

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:
 - Thư mời họp;
 - Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền dự họp (nếu là người được ủy quyền dự họp).
- Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba
- Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự chi trả
- Mọi chi tiết liên quan tới Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ
 - **Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu**
 - Điện thoại: (02) 4 3377 6699

Trân trọng kính mời!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐỖ TRUNG SƠN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018

Thời gian tổ chức: 8h00, ngày 02 tháng 08 năm 2018

Địa điểm tổ chức: Trụ sở Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu - Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
1	Từ 08h00 đến 08h15	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
		- Kiểm tra tư cách cổ đông - đăng ký dự họp - Phát tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	Từ 08h15 đến 08h30	PHÂN NGHI THỨC	
		- Ôn định tổ chức chuẩn bị Đại hội, chào cờ - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự	Ban tổ chức
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội	Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông
		- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
		- Thông qua chương trình và Quy chế làm việc Đại hội	Chủ tịch đoàn
3	Từ 08h30 đến 09h15	NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
		Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS đương nhiệm và bầu bổ sung HĐQT, BKS;	Đoàn chủ tịch
		Thông qua quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS;	Đoàn chủ tịch
		Thông qua Danh sách ứng viên HĐQT, BKS;	Đoàn chủ tịch
		Tiến hành bầu cử.	Đoàn chủ tịch
4	Từ 09h15 đến 09h30	Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS	Đoàn chủ tịch
5	Từ 9h30 đến	- Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ;	Đoàn chủ tịch



	10h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình phương án niêm yết Công ty cổ phần chứng khoán Toàn Cầu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; - Thông qua Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính và tên Công ty; - Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty. 	
6	Từ 10h30 đến 10h40	Nghỉ giải lao	
7	Từ 10h40 đến 11h00	Thảo luận lấy ý kiến về các nội dung báo cáo và tờ trình trong Đại hội	Đoàn chủ tịch
8	Từ 11h00 đến 11h20	Biểu quyết thông qua các tờ trình tại Đại hội	Đoàn chủ tịch
9	Từ 11h20 đến 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Nghị quyết và biên bản Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội 	Đoàn chủ tịch



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2018

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018
Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Tên cổ đông:

Số CMND/ĐKKD:..... cấp ngày.....tại

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở:

Người đại diện:

Số CMND người đại diện: cấp ngày/...../..... tại:

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Xác nhận sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu được tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2018 với:

Số cổ phần biểu quyết là:.....cổ phần.

(*Bằng chữ:*

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu là: cổ phần.
- Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

(Gửi kèm theo đây: Giấy ủy quyền)

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội.

....., ngày ... tháng ... năm 2018

CỔ ĐÔNG

(*Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)*)



Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018
Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

1. Bên ủy quyền

- Tên cá nhân/ Tổ chức:
- Số CMND/ GPĐKKD: cấp ngày tại
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax
- Số cổ phần sở hữu: cổ phần..
- Người đại diện (trường hợp cổ đông là tổ chức):
- Số CMND người đại diện cấp ngày .../.../..... tại
- Số điện thoại Số fax

2. Bên được ủy quyền

- Tên cá nhân:
- Số CMND: cấp ngày .../.../..... tại
- Địa chỉ:
- Điện thoại Fax

3. Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu với tư cách là cổ đông đại diện cho số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.

Bên được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Chứng khoán Toàn Cầu, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường lần 1 năm 2018, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông/ đại diện cổ đông khi đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ khác theo quy định tại Thông báo mời họp tại bàn tiếp đón.
2. Khi vào hội trường tổ chức đại hội phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không nói chuyện riêng, không hút thuốc lá, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động đề nghị tắt hoặc để chế độ không chuông.
4. Các cổ đông/ đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/ đại diện cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/ đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức. Trường hợp cổ đông/ đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông/ đại diện cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/ hoặc người được ủy quyền khi cổ đông/ người được ủy quyền làm thủ tục đăng ký dự họp. Trên thẻ biểu quyết ghi rõ

Họ tên cổ đông/ người được ủy quyền và Số phiếu biểu quyết của cổ đông/ người được ủy quyền đó.

2. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông/ đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý/ không đồng ý/ không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.
- Cổ đông/ đại diện cổ đông tích lựa chọn vào Thẻ biểu quyết thông qua hoặc không thông qua các vấn đề.
- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết.
- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt tại trực hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - Tờ trình về miễn nhiệm HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022;
 - Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS;
 - Tờ trình về Thay đổi trụ sở Công ty, tên Công ty;
 - Tờ trình về Phương án niêm yết cổ phiếu của Công ty tại HOSE;
 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt tại trực hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - Thông qua Tờ trình tăng vốn Điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội sẽ phát biểu ý kiến bằng cách ghi ý kiến phát biểu vào giấy và chuyển cho Ban tổ chức. Ban tổ chức sẽ có trách nhiệm chuyển tới Đoàn chủ tịch.
- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông trực tiếp tại Đại hội và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHCĐ.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

- Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Đoàn chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Đoàn chủ tịch có quyền:
 - ✓ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - ✓ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; yêu cầu những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đoàn chủ tịch có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - ✓ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - ✓ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự; có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
 - ✓ Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Kịp thời thông báo với Đoàn chủ tịch về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết.

VI. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội cổ đông, Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng tải trên website công ty và gửi đến các cổ đông Công ty.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở giao dịch để công bố thông tin;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



Handwritten signature



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**
Số: 0292018/T. Tr. - TVTCDN - VGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu)

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và các yêu cầu quản trị, điều hành công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản như kèm theo.

Trân trọng!

Tài liệu kèm theo: Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở giao dịch để công bố thông tin;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



Số: 021/2018.1.TC-NTCDN-VGS

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Thông qua kế hoạch đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 8 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 7 năm 2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6 năm 2015 Sửa đổi, bổ sung bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 7 năm 2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Văn bản khác liên quan đến lĩnh vực chứng khoán.

Để nâng cao hơn nữa thương hiệu của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty, tạo giá trị gia tăng cho các cổ đông cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn trên thị trường, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Thực hiện đăng ký công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Thực hiện việc lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- Thực hiện việc đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian dự kiến niêm yết: dự kiến năm 2019

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn thời điểm đăng ký niêm yết phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời điểm niêm yết và hoàn tất các hồ sơ liên quan, triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết đảm bảo việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở giao dịch để công bố thông tin;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Số: 022.2018.1.TC.TV.ICON - VGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính và thay đổi tên giao dịch Công ty)

Kính thưa Quý vị cổ đông!

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Nhằm tái cấu trúc hoạt động của Công ty, đón đầu nhu cầu phát triển của thị trường chứng khoán hiện đang trong giai đoạn và hồi phục và phát triển tốt trong thời gian tới cũng như để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông bất thường 2018 xem xét và quyết định các nội dung sau:

1) Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình đại hội thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh cụ thể như sau:

- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2) Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Công ty. Cụ thể như sau:

- **Địa điểm cũ:** Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3377 6699 Fax: (84-24) 3222 3070

- **Địa điểm mới:** Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nơi đặt trụ sở chính của Công ty phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của Công ty;

3) Thông qua việc thay đổi tên giao dịch Công ty. Cụ thể như sau:

- **Tên giao dịch cũ:**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tên Tiếng Anh: **VINAGLOBAL SECURITIES CORPORATION**



Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**
Tên viết tắt: **Vinaglobal**

- **Tên giao dịch mới:**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIKING**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIKING**
- Tên Tiếng Anh: **VIKING SECURITIES CORPORATION**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIKING**
- Tên viết tắt: **VUA**

4) Đề triển khai thực hiện các nội dung nêu trên, kính trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Công ty, và thay đổi tên giao dịch Công ty đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở giao dịch để công bố thông tin;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD**



ĐỖ TRUNG SƠN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Số: 0232018/1rc...TNTCDN - VGS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Để có đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ trong năm 2018. Cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Nghị định số 58/2012/NĐ - CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Nghị định 60/2015/NĐ – CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 30 tháng 11 năm 2012 Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 30 tháng 11 năm 2012 Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS).
- Căn cứ vào kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRƯỚC ĐỢT PHÁT HÀNH

Tên gọi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Tên giao dịch quốc tế: Vinaglobal Securities Corporation.

Tên viết tắt : **Vinaglobal**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 3377 6699 Fax: (84-24) 3222 3070

Vốn điều lệ: **35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng).**

Số lượng cổ phần đã phát hành: **3.500.000 cổ phần.**

Số lượng cổ phần đang lưu hành: **3.500.000 cổ phần**

Số lượng cổ phiếu quỹ : **0 cổ phần**

III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- Nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác;
- Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. PHẠM VI PHÁT HÀNH

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phần chào bán: 100.000.000 cổ phần (Một trăm triệu cổ phiếu).
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng) (tính theo mệnh giá)
- **Đối tượng chào bán:** Là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, đáp ứng tiêu chí lựa chọn dưới đây.
- **Hình thức chào bán:** Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư.
- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán:** Để tham gia vào đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của VGS, các nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài phải đáp ứng một trong những tiêu chí sau:
 - + Có tiềm lực tài chính, hỗ trợ được cho Công ty về vốn và/hoặc có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển.
 - + Đối tượng được chào bán có thể là cổ đông hiện hữu nếu như đáp ứng được tiêu chí trên.
- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Danh sách các đối tượng chào bán:**

STT	Họ và tên	Số CMT/ GCNĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu sau phát hành (%)
1	Công ty Đầu tư – Tin học Tư vấn xây dựng Phương Nam	4103001055		Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh	700,000	0.70
2	Nguyễn Thị Tuyết	142033931	16/08/2013	Công an Hải Dương	339,500	0.34
3	Hoàng Phương Hằng	142694809	02/08/2013	Công an Hải Dương	346,500	0.35
4	Phạm Thị Dung	142683836	31/03/2009	Công an Hải Dương	203,000	0.20
5	Đào Thị Bích	172030732	10/02/2011	CA Thanh Hóa	346,500	0.35
6	Luyện Quang Thắng	013098437	09/08/2012	Công an Hà Nội	346,500	0.35
7	Phạm Thị Ánh	142697765	13/04/2010	CA Hải Dương	346,500	0.35
8	Nguyễn Thúy Hà	142662785	02/07/2008	CA Hải Dương	346,500	0.35
9	Trần Ngọc Ngân	142579798	04/11/2009	CA Hải Dương	178,500	0.18
10	Vũ Hồng Thắng	034087006338	19/04/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	346,500	0.35
11	Phạm Thị Thu Hương	012685136	24/03/2004	CA Hà Nội	4,950,000	4.95
12	Nguyễn Thị Hồng Bích	040185001114	26/04/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
13	Phạm Thị Thu Thủy	142498950	05/03/2007	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
14	Nguyễn Thị Hoa	142692033	22/03/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
15	Trần Thị Hòa	142400991	10/03/2004	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
16	Nguyễn Văn Bình	142495892	13/09/2010	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
17	Phạm Thị Ngà	142399883	13/04/2005	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
18	Đỗ Hoài Linh	142578097	11/08/2009	CA Hải Dương	4,950,000	4.95

19	Đỗ Trọng Phú	030092000639	08/01/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
20	Nguyễn Bá Cường	142681905	05/08/2008	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
21	Nguyễn Mạnh Hà	131301652	29/07/2008	CA Phú Thọ	4,950,000	4.95
22	Nguyễn Trường Giang	036079001617	21/03/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
23	Phạm Thị Ngoan	060912139	06/08/2018	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
24	Dương Huy Bình	060732317	24/02/2009	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
25	Phạm Văn Duy	142120843	14/09/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
26	Nguyễn Đức Cường	142358161	13/7/2015	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
27	Lê Thị Dung	142489849	15/4/2007	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
28	Nguyễn Thị Liên	142530214	22/02/2006	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
29	Tiêu Thị Nhung	142506704	02/10/2010	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
30	Hà Thị Nhung	142300946	21/05/2003	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
31	Nguyễn Xuân Sơn	142746166	10/5/2011	CA Hải Dương	3,750,000	3.75
	Tổng tăng thêm				96,500,000	96.50
	TỔNG				100,000,000	100.00

Trường hợp nhà đầu tư mua cổ phần theo phương án phát hành này dẫn tới việc sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vượt qua tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

- Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền phân phối số cổ phiếu mà những đối tượng được mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ không đăng ký mua hết với giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. HĐQT được toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết mà không cần phải thực hiện

lấy ý kiến ĐHĐCĐ và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:

- + Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
- + Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của VGS.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược, cổ đông lớn, đối tác khách hàng thân thiết: Bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- **Hạn chế nắm giữ với nhà đầu tư nước ngoài:** Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**
Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán:

Nội dung	Số lượng phát hành dự kiến (CP)	Giá phát hành dự kiến (đồng/cổ phần)	Thành tiền (đồng)
Chào bán riêng lẻ cho đối tác	100.000.000	10.000	1.000.000.000.000
Tổng cộng	100.000.000	10.000	1.000.000.000.000

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 1.000 tỷ đồng sẽ được Công ty sử dụng vào mục đích: (1) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; (2) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; (3) Bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; (4) Bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu căn cứ theo nhu cầu của Công ty, phù hợp với tình hình thực tế.

- **Thời gian thực hiện:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chào bán

IV. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Đại hội thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau: Sửa đổi các nội dung liên quan tới vốn điều lệ trong Điều lệ công ty theo kết quả chào bán.

V. ỦY QUYỀN

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm chào bán;
- Lựa chọn nhà đầu tư phù hợp với tiêu chí đã đặt ra;
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có);

- Cân đối để phân bổ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào các mục đích nêu trên một cách hợp lý. Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị được phép sửa đổi, bổ sung mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Công ty, cho các cổ đông và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để thực hiện việc phát hành.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần.
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở giao dịch để công bố thông tin;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



ĐÓ TRUNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOẢN TOÀN CẦU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 024.2018.11c...NTDN - VGs
V/v: Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành
viên HĐQT; BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT; thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022)

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông bất thường 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty cổ phần chứng khoán Toàn Cầu hiện hành;
- Căn cứ Thông báo gửi cổ đông về việc đề cử, ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022.
- Căn cứ Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2022;
- Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2022;
- Căn cứ đơn từ nhiệm của các thành viên HĐQT, BKS;
- Xét tình hình thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 thông qua:

1. Thông qua việc bãi nhiệm thành viên HĐQT; thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| - Nguyễn Thị Ánh | Chủ tịch HĐQT |
| - Nguyễn Đức Thuận | Phó chủ tịch HĐQT |
| - Trần Đức Chiến | Thành viên HĐQT |
| - Đỗ Trung Sơn | Thành viên HĐQT |

Thành viên Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------|--------------------------|
| - Trần Đức Minh | Trưởng ban kiểm soát |
| - Nguyễn Thị Ánh | Thành viên ban kiểm soát |
| - Trần Thị Tâm | Thành viên ban kiểm soát |

+ Nhiệm kỳ: 2018-2022

+ Lý do bãi nhiệm: Theo đơn từ nhiệm của các thành viên HĐQT, BKS.

2. Thông qua tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018.



- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 03 thành viên
- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 04 thành viên
- Nhiệm kỳ thành viên HĐQT: 2018-2022.

3. Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022

Danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn và được Hội đồng quản trị giới thiệu để bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022 như sau:

Thành viên HĐQT:

- Ông Quách Mạnh Hồng
- Ông Phạm Đăng Trường
- Ông Nguyễn Tuấn Cường
- Ông Nguyễn Thế Minh

Thành viên BKS:

- Bà Phí Thị Thu Hà
- Bà Đinh Thị Lan Anh
- Bà Giang Thị Mai Hoa

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Tài liệu kèm theo:

- Danh sách ứng cử viên;
- Bản công bố thông tin cá nhân của ứng cử viên.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD**



Đỗ Trung Sơn

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán Toàn Cầu.

Để đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu. Tổ kiểm phiếu trình Đại hội thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN BẦU CỬ

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 21/06/2018)

II. NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

- Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội, tiến hành bầu đồng thời thành viên HĐQT và thành viên BKS bằng hai loại phiếu bầu cử: phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu Ban kiểm soát.
- Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
- Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

III. QUY ĐỊNH PHIẾU BẦU CỬ VÀ GHI PHIẾU BẦU CỬ

- **Hình thức phiếu bầu**
 - Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được phát một “Phiếu bầu thành viên HĐQT” và một “Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát”.
 - Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
- **Cách ghi phiếu bầu**

Để thuận tiện cho các cổ đông khi tham gia bầu cử, cổ đông có thể thực hiện bầu theo cách sau:

- Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên tùy theo tín nhiệm của mình. Số phiếu biểu quyết ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau nhưng tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên **không vượt quá** tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông.

Ví dụ: Số thành viên HĐQT là 4 thành viên. Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần. Như vậy, khi bầu thành viên HĐQT, tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông A khi bầu HĐQT là $1.000 \text{ cp} \times 4 \text{ người} = 4.000$ phiếu biểu quyết. Nếu Cổ đông A chọn cách "Bầu đều" thì kết quả như sau:

- Nếu chọn 1 người \Rightarrow số phiếu biểu quyết bầu cho người đó là: $(1.000 \times 4) / 1 = 4.000$
- Nếu chọn 2 người \Rightarrow số phiếu biểu quyết bầu cho mỗi người là: $(1.000 \times 4) / 2 = 2.000$
- Nếu chọn 3 người \Rightarrow số phiếu biểu quyết bầu cho mỗi người là: $(1.000 \times 4) / 3 = 1.333$
- Nếu chọn 4 người \Rightarrow số phiếu biểu quyết bầu cho mỗi người là: $(1.000 \times 4) / 4 = 1.000$

- **Phiếu bầu hợp lệ**

- Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, không cạo, sửa, tẩy, xóa và có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại mã số và số lượng cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay với ban tổ chức Đại hội tại thời điểm nhận phiếu.
- Phiếu bầu cho những ứng viên trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Số phiếu biểu quyết cho các ứng viên làm tròn tới hàng đơn vị.

- **Phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Cổ đông gạch tên ứng viên và ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số phiếu biểu quyết cho các ứng viên lẻ tới hàng thập phân.

IV. NGUYÊN TẮC TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định.

83
CÔNG
CỔ
HỨNG
TOÀN
CẦU
NH XU

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;
- Trường hợp sau khi bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau vẫn chưa có xác định được thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì ứng cử viên nào sở hữu số cổ phần nhiều hơn sẽ là người trúng cử.

V. NGUYÊN TẮC KIỂM PHIẾU

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT hay BKS.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - + Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - + Tổ chức kiểm phiếu;
 - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
 - + Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Đoàn Chủ tịch;
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

VI. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và Ban kiểm soát;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

VII. Giải quyết khiếu nại

C
TY
HẠN
KHO
CÁ
1-1

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

VIII. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022 Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu .

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT; BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS)**

Mục tiêu:

- Tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ Công ty hiện hành;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức ĐHCĐ bất thường 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS).

I. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HĐQT

1. Thông tin về những người được đề cử vào HĐQT phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử đủ số ứng cử viên HĐQT.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.
4. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo Quy định của pháp luật liên quan;
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.
- Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

II. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về những người được đề cử vào Ban Kiểm soát phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào BKS;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên BKS;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên BKS;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên BKS;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử đủ số ứng cử viên BKS.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.
4. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:
 - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
 - Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.
 - Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.
 - Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

III. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT, Ban Kiểm soát bao gồm:

- i. Đơn ứng cử (đề cử) tham gia HĐQT, Ban Kiểm soát (theo mẫu);
- ii. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- iii. Biên bản họp nhóm (nếu có);
- iv. Bản sao có công chứng: Giấy CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

2. Thời hạn gửi hồ sơ:

Trước 15h00, ngày 30/07/2018

Hồ sơ gửi về: Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân. TP. Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3377 6699

IV. LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN

TY
HÀN
KHOÁ
CẦU
H-T.P.V

Dựa trên các tiêu chuẩn và đơn ứng cử và đề cử của cổ đông và nhóm cổ đông, HĐQT sẽ chọn các ứng cử viên HĐQT, Ban Kiểm soát đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định ở mục I và mục II tại Quy chế đề cử, ứng cử này để Đại hội Cổ đông thông qua./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



THÔNG BÁO

**V/v: Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị bổ sung
nhiệm kỳ 2018 – 2022**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Theo Khoản 2 Điều 31 và Khoản 2 Điều 43 Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS), Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu có nhiệm kỳ 05 năm (2018 – 2022). Tuy nhiên, ngày 29/05/2018, các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT và BKS gửi đến trụ sở Công ty. Căn cứ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2014, Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến tham gia bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT và BKS như sau:

1. Số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung:

- Số lượng thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông: 03 thành viên
- Số lượng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông: 04 thành viên, bao gồm 03 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

2. Điều kiện đề cử, ứng cử bổ sung chức danh thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát:

Cổ đông/nhóm cổ đông nắm từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát đính kèm.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TGD



ĐO TRUNG SƠN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

- Tên Doanh nghiệp:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu
- Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Giấy phép thành lập và hoạt động:** Số 83/UBCK - GP do Ủy ban CKNN cấp ngày 16/01/2008
- Thời gian họp:** Bắt đầu lúc 8h ngày 02/08/2018
kết thúc hồih..... ngày 02/08/2018
- Địa điểm họp:** Phòng họp Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu - Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Nội dung chương trình:** Theo nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã được các cổ đông tại Đại hội biểu quyết thông qua (tài liệu kèm theo)

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự

- Ông Đỗ Trung Sơn – Tổng giám đốc – Chủ tọa
Ông Đinh Hoài Nam – Phó Tổng giám đốc – Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng – Trưởng phòng CNTT - Thành viên
Và toàn thể Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.

2. Tính hợp pháp của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Dương Ngọc Trung - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 3.500.000 cổ phần
- Tổng số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt là: cổ đông đại diện cho cổ phần – chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

3. Chủ tọa, thư ký đại hội và ban kiểm phiếu

Để điều hành hoạt động của Đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu. Cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch

Ông Đỗ Trung Sơn : Chủ tịch Đoàn
Ông Nguyễn Quang Dũng : Ủy viên
Ông Đinh Hoài Nam : Ủy viên

Bầu Ban thư ký

1. Bà Lý Thị Thu Hà : Thư ký

Ban Kiểm phiếu

1. Ông Dương Ngọc Trung : Trưởng ban kiểm phiếu
2. Bà Phạm Thị Tú Anh : Thành viên
3. Bà Nguyễn Ngọc Linh : Thành viên

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100 %
Không tán thành : 0 %
Không có ý kiến : 0%

4. Thông qua Nội dung, chương trình Đại hội; Quy chế làm việc Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Đỗ Trung Sơn – Thay mặt Đoàn chủ tịch đọc chương trình Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2018; Quy chế làm việc Đại hội.

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua nội dung Nội dung, chương trình Đại hội; Quy chế làm việc Đại hội bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội dưới hình thức giơ Thẻ biểu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội (*tài liệu kèm theo*).

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100 %
Không tán thành : 0 %
Không có ý kiến : 0%

II. PHÂN BẦU CỬ

Ông Đinh Hoài Nam lên đọc Tờ trình về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS; danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022. Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông biểu

quyết thông qua các nội dung này dưới hình thức giơ thẻ biểu quyết. Kết quả các cổ đông tại Đại hội đã biểu quyết nhất trí lần lượt là 100% đối với Tờ trình nêu trên và 100% đối với Quy chế bầu cử nêu trên. Tiếp theo, Đại hội tiến hành thông qua Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS. Kết quả các cổ đông tại Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% với Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu ngay sau đó. Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu bầu cử của Ban kiểm phiếu và bầu cử, Ông Dương Ngọc Trung - Trưởng Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử lên đọc Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử. Cụ thể như sau:

Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2022:

TT	Tên ứng viên	Chức vụ trong HĐQT	Tổng số Phiếu biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ Phiếu biểu quyết/tổng số cổ phần tham dự Đại hội (%)
1	Quách Mạnh Hồng	Thành viên		
2	Phạm Đăng Trường	Thành viên		
3	Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên		
4	Nguyễn Thế Minh	Thành viên		

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ Công ty và đối chiếu với kết quả kiểm phiếu bầu cử, như vậy, các ông, bà sau đây đã trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu nhiệm kỳ 2018-2022:

- 1) Ông Quách Mạnh Hồng - Thành viên HĐQT;
- 2) Ông Phạm Đăng Trường - Thành viên HĐQT;
- 3) Ông Nguyễn Tuấn Cường - Thành viên HĐQT;
- 4) Ông Nguyễn Thế Minh - Thành viên HĐQT.

Kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2022:

TT	Tên ứng viên	Tổng số Phiếu biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ Phiếu biểu quyết/tổng số cổ phần tham dự đại hội (%)
1	Phí Thị Thu Hà		
2	Đình Thị Lan Anh		
3	Giang Thị Mai Hoa		

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ Công ty và đối chiếu với kết quả kiểm phiếu bầu cử,

nếu vậy, các ông, bà sau đây đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu nhiệm kỳ 2018-2022:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 1) Bà Phí Thị Thu Hà | - Thành viên BKS; |
| 2) Bà Đinh Thị Lan Anh | - Thành viên BKS; |
| 3) Bà Giang Thị Mai Hoa | - Thành viên HĐQT. |

III. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Quang Dũng - Ủy viên Đoàn chủ tịch đọc Tờ trình về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ

- **Đối tượng chào bán:** Là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, đáp ứng tiêu chí lựa chọn dưới đây.

- **Hình thức chào bán:** Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư.

- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán:** Để tham gia vào đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của VGS, các nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài phải đáp ứng một trong những tiêu chí sau:

+ Có tiềm lực tài chính, hỗ trợ được cho Công ty về vốn và/hoặc có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển.

+ Đối tượng được chào bán có thể là cổ đông hiện hữu nếu như đáp ứng được tiêu chí trên.

- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần

- **Danh sách các đối tượng chào bán:**

STT	Họ và tên	Số CMT/ GCNĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu sau phát hành (%)
1	Công ty Đầu tư – Tin học Tư vấn xây dựng Phương Nam	4103001055		Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh	700,000	0.70
2	Nguyễn Thị Tuyết	142033931	16/08/2013	Công an Hải Dương	339,500	0.34
3	Hoàng Phương Hằng	142694809	02/08/2013	Công an Hải Dương	346,500	0.35
4	Phạm Thị Dung	142683836	31/03/2009	Công an Hải Dương	203,000	0.20
5	Đào Thị Bích	172030732	10/02/2011	CA Thanh Hóa	346,500	0.35
6	Luyện Quang Thắng	013098437	09/08/2012	Công an Hà Nội	346,500	0.35

7	Phạm Thị Anh	142697765	13/04/2010	CA Hải Dương	346,500	0.35
8	Nguyễn Thủy Hà	142662785	02/07/2008	CA Hải Dương	346,500	0.35
9	Trần Ngọc Ngân	142579798	04/11/2009	CA Hải Dương	178,500	0.18
10	Vũ Hồng Thăng	034087006338	19/04/2017	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	346,500	0.35
11	Phạm Thị Thu Hương	012685136	24/03/2004	CA Hà Nội	4,950,000	4.95
12	Nguyễn Thị Hồng Bích	040185001114	26/04/2017	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
13	Phạm Thị Thu Thủy	142498950	05/03/2007	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
14	Nguyễn Thị Hoa	142692033	22/03/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
15	Trần Thị Hòa	142400991	10/03/2004	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
16	Nguyễn Văn Bình	142495892	13/09/2010	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
17	Phạm Thị Nga	142399883	13/04/2005	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
18	Đỗ Hoài Linh	142578097	11/08/2009	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
19	Đỗ Trọng Phú	030092000639	08/01/2016	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
20	Nguyễn Bá Cường	142681905	05/08/2008	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
21	Nguyễn Mạnh Hà	131301652	29/07/2008	CA Phú Thọ	4,950,000	4.95
22	Nguyễn Trường Giang	036079001617	21/03/2016	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
23	Phạm Thị Ngao	060912139	06/08/2018	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
24	Dương Huy Bình	060732317	24/02/2009	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
25	Phạm Văn Duy	142120843	14/09/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
26	Nguyễn Đức Cường	142358161	13/7/2015	CA Hải Dương	3,700,000	3.70

27	Lê Thị Dung	142489849	15/4/2007	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
28	Nguyễn Thị Liên	142530214	22/02/2006	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
29	Tiêu Thị Nhung	142506704	02/10/2010	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
30	Hà Thị Nhung	142300946	21/05/2003	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
31	Nguyễn Xuân Sơn	142746166	10/5/2011	CA Hải Dương	3,750,000	3.75
	Tổng tăng thêm				96,500,000	96.50
	TỔNG				100,000,000	100.00

2. Ông Nguyễn Quang Dũng - Ủy viên Đoàn chủ tịch đọc Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đổi tên Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu.
3. Ông Nguyễn Quang Dũng - Ủy viên Đoàn chủ tịch đọc Tờ trình phương án niêm yết tại HOSE
4. Ông Nguyễn Quang Dũng - Ủy viên Đoàn chủ tịch đọc Tờ trình thay đổi Điều lệ

IV. THẢO LUẬN

Không có

V. THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

2. Thông qua Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

3. Thông qua Tờ trình về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

4. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính và đổi tên Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

5. Thông qua Tờ trình phương án niêm yết tại HOSE

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

6. Thông qua Tờ trình thay đổi Điều lệ

Tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không tán thành: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không có ý kiến: CP Chiếm: % cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội

VI. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP; NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà **Lý Thị Thu Hà** – Ban Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 để Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Các cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 đã biểu quyết nhất trí thông qua toàn văn nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2018.
3. Ông **Đỗ Trung Sơn** – Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu đã thành công tốt đẹp và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản họp này gồm 08 (tám) trang được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Các tài liệu kèm theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông này có giá trị pháp lý và là phần không tách rời của Biên bản Đại hội này./.

T/M. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trưởng Ban

T/M. BAN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Chủ tọa

Lý Thị Thu Hà

Đỗ Trung Sơn

Tài liệu đính kèm:

- Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Nội dung Chương trình Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 đã được Đại hội thông qua;
- Tài liệu Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 (các báo cáo, tờ trình tại Đại hội);
- Biên bản Kiểm tra Tư cách Cổ đông của Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông;
- Biên bản Kiểm phiếu Biểu quyết của Ban Kiểm phiếu Biểu quyết tại Đại hội;
- Biên bản Kiểm phiếu Bầu cử của Ban Kiểm phiếu Biểu quyết tại Đại hội;
- Hồ sơ bầu cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (công bố trên Website Công ty);
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành;
- UBCKNN, Sở GD để công bố thông tin;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 số của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu ngày 02 tháng 08 năm 2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022. Cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với các Ông/Bà có tên sau đây:
 - Bà Nguyễn Thị Ánh
 - Ông Nguyễn Đức Thuận
 - Ông Trần Đức Chiến
 - Ông Đỗ Trung Sơn
2. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với các Ông/Bà có tên sau đây:
 - Ông Trần Đức Minh
 - Bà Nguyễn Thị Ánh
 - Bà Trần Thị Tâm
3. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022

Điều 2: Thông qua Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2022:

Thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Quách Mạnh Hồng - Thành viên

- 2. Ông Phạm Đăng Trường - Thành viên
- 3. Ông Nguyễn Tuấn Cường - Thành viên
- 4. Ông Nguyễn Thế Minh - Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

- 1. Bà Phí Thị Thu Hà - Thành viên
- 2. Bà Đinh Thị Lan Anh - Thành viên
- 3. Bà Giang Thị Mai Hoa - Thành viên

Điều 4: Thông qua tờ trình về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

- **Đối tượng chào bán:** Là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, đáp ứng tiêu chí lựa chọn dưới đây.

- **Hình thức chào bán:** Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư.

- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán:** Để tham gia vào đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của VGS, các nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài phải đáp ứng một trong những tiêu chí sau:

- + Có tiềm lực tài chính, hỗ trợ được cho Công ty về vốn và/hoặc có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển.
- + Đối tượng được chào bán có thể là cổ đông hiện hữu nếu như đáp ứng được tiêu chí trên.

- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần

- **Danh sách các đối tượng chào bán:**

STT	Họ và tên	Số CMT/ GCNĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu sau phát hành (%)
1	Công ty Đầu tư – Tin học Tư vấn xây dựng Phương Nam	4103001055		Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh	700,000	0.70
2	Nguyễn Thị Tuyết	142033931	16/08/2013	Công an Hải Dương	339,500	0.34
3	Hoàng Phương Hằng	142694809	02/08/2013	Công an Hải Dương	346,500	0.35
4	Phạm Thị Dung	142683836	31/03/2009	Công an Hải Dương	203,000	0.20
5	Đào Thị Bích	172030732	10/02/2011	CA Thanh Hóa	346,500	0.35
6	Luyện Quang Thắng	013098437	09/08/2012	Công an Hà Nội	346,500	0.35
7	Phạm Thị Ánh	142697765	13/04/2010	CA Hải Dương	346,500	0.35
8	Nguyễn Thúy Hà	142662785	02/07/2008	CA Hải Dương	346,500	0.35
9	Trần Ngọc Ngân	142579798	04/11/2009	CA Hải Dương	178,500	0.18

10	Vũ Hồng Thàng	034087006338	19/04/2017	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	346,500	0.35
11	Phạm Thị Thu Hương	012685136	24/03/2004	CA Hà Nội	4,950,000	4.95
12	Nguyễn Thị Hồng Bích	040185001114	26/04/2017	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
13	Phạm Thị Thu Thủy	142498950	05/03/2007	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
14	Nguyễn Thị Hoa	142692033	22/03/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
15	Trần Thị Hòa	142400991	10/03/2004	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
16	Nguyễn Văn Bình	142495892	13/09/2010	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
17	Phạm Thị Nga	142399883	13/04/2005	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
18	Đỗ Hoài Linh	142578097	11/08/2009	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
19	Đỗ Trọng Phú	030092000639	08/01/2016	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
20	Nguyễn Bá Cường	142681905	05/08/2008	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
21	Nguyễn Mạnh Hà	131301652	29/07/2008	CA Phú Thọ	4,950,000	4.95
22	Nguyễn Trường Giang	036079001617	21/03/2016	Cục CS BKQL cư trú và DLQG về dân cư	4,950,000	4.95
23	Phạm Thị Ngạn	060912139	06/08/2018	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
24	Dương Huy Bình	060732317	24/02/2009	CA Yên Bái	4,950,000	4.95
25	Phạm Văn Duyệt	142120843	14/09/2013	CA Hải Dương	4,950,000	4.95
26	Nguyễn Đức Cường	142358161	13/7/2015	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
27	Lê Thị Dung	142489849	15/4/2007	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
28	Nguyễn Thị Liên	142530214	22/02/2006	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
29	Tiền Thị Nhung	142506704	02/10/2010	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
30	Hà Thị Nhung	142300946	21/05/2003	CA Hải Dương	3,700,000	3.70
31	Nguyễn Xuân Sơn	142746166	10/5/2011	CA Hải Dương	3,750,000	3.75
Tổng tăng thêm					96,500,000	96.50
TỔNG					100,000,000	100.00

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội

Điều 5: Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đổi tên Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội

Điều 6: Thông qua Tờ trình phương án niêm yết tại HOSE

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội

Điều 9: Thông qua Tờ trình thay đổi Điều lệ

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội

Điều 12: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các Cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội một cách hiệu quả.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Cty);
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở GD để công bố thông tin;
- Lưu VT.

Tài liệu kèm theo:

- Các văn kiện Đại hội;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông;
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết Đại hội;
- Biên bản kiểm phiếu bầu cử Đại hội;
- Hồ sơ bầu cử HĐQT, BKS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

ĐỖ TRUNG SƠN





BẢN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

	Quy định hiện hành của Điều lệ	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
1.	Phân căn cứ pháp lý: Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số: 090317/NQ-DHĐCD của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu năm 2017 tổ chức ngày 02 tháng 03 năm 2017.	Sửa đổi lại phân căn cứ pháp lý như sau: Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số:/NQ-DHĐCD của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tổ chức ngày 06 tháng 07 năm 2018	Phù hợp với thực tế ngày thông qua Điều lệ này.
2	Tại điểm h) Khoản 1 Điều 1 Giải thích thuật ngữ: “h. Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc”	Sửa đổi, bổ sung h) Khoản 1 Điều 1 như sau: “h. Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty”	Khoản 18 Điều 4 của Luật doanh nghiệp 2014
3	Tại Khoản 3 Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty: “3. Trụ sở Công ty: a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4A và tầng 9, tòa nhà 85 Nguyễn Hữu Cầu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh b) Điện thoại: (84 8) 54 050 333 Fax: (84 8) 54 050 111 c) Website: vgs.vn	Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Điều lệ như sau: “3. Trụ sở Công ty: a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. b) Điện thoại: (84-24) 3377 6699 Fax: (84-24) 3222 3070 c) Email: info@vgs.vn d) Website: vgs.vn	Sửa cho phù hợp với thực tế Công ty

4		<p>Bổ sung Khoản 1 Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Điều lệ như sau:</p> <p>“1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.</p>	Sửa cho phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
5	<p>Khoản 2 Điều 3. Người đại diện theo pháp luật:</p> <p>“2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 của Điều lệ như sau:</p> <p>“2. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty”.</p>	Sửa cho phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
6	Bỏ điều 5. Vốn điều lệ		Chuyển xuống Chương 2
7	<p>Tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Nghĩa vụ của công ty:</p> <p>“b. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan”</p>	<p>Sửa đổi, Điểm b Khoản 1 Điều 9 Điều lệ như sau:</p> <p>“b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ; kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan”</p>	Phù hợp với quy định của điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty chứng khoán
8	<p>Tại Điểm a và Điểm c Khoản 3 Điều 10 Các quy định về cấm và hạn chế:</p> <p>“ a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc của công ty chứng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điểm a và Điểm c Khoản 3 Điều 10 Điều lệ như sau:</p> <p>“ a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán</p>	Sửa cho phù hợp với Khoản 3 Điều 9 Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư 210 và thông tư 07

	<p>khoán khác”</p> <p>“c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán khác”</p>	<p>khác”</p> <p>“c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác”</p>	
9	<p>Chương 2. CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG</p> <p>Mục 1. CỔ PHẦN</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Chương 2 và Mục 1 của Điều lệ như sau:</p> <p>Chương 2. VỐN ĐIỀU LỆ; CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG</p> <p>Mục 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</p>	
10		<p>Bổ sung Điều 10. Vốn điều lệ của Điều lệ Công ty như sau:</p> <p>“Điều 10. Vốn điều lệ</p> <p>1. Vốn Điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng).</p> <p>2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật”.</p>	<p>Thay thế Điều 5</p>
11		<p>Bổ sung Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 11. Các loại cổ phần của Điều lệ như sau:</p> <p>“2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua</p>	<p>Sửa cho phù hợp với Luật doanh nghiệp; Điều lệ mẫu</p>

		<p>phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong các trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”.</p>	
12		Bổ sung Điều 12, Điều 13 Điều lệ Công ty như sau:	

“Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu

3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

		<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác”.</p>	
13	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>“b. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 14 của Điều lệ như sau:</p> <p>“b. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác”</p>	Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế
14	<p>Điểm d, e Khoản 1 Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>“d. Công ty phải đăng ký với UBCK Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;</p> <p>e. Phương thức và thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện theo quy định tại các văn bản về chào bán cổ phiếu ra công chúng”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điểm d, e Khoản 1 Điều 14 của Điều lệ Công ty như sau:</p> <p>“d. Công ty phải đăng ký với UBCK Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu;</p> <p>f. Phương thức và thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện theo quy định tại các văn bản về chào bán cổ phiếu”.</p>	Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

15	Bổ khoản 2, Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ		
16	<p>Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty:</p> <p>1. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Quyền của cổ đông phổ thông:</p> <p>(i) Quyền biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. - Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty không được ngăn cản cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là người đại diện, miễn là được ủy quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp pháp luật có quy định hạn chế. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng. - Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: 	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Điều lệ Công ty như sau:</p> <p>“1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông dù tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; 	<p>Sửa cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014; Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng và Công ty chứng khoán</p>

<ul style="list-style-type: none"> + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; + Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. - Cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần; + Cổ phiếu quỹ; + Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: nếu cổ phần phổ thông do cổ đông là người có liên quan của Công ty sở hữu, cổ đông sẽ không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó; + Cổ phần có được do vi phạm các quy định về mua cổ phiếu trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát, vi phạm các quy định bắt buộc về chào mua công khai; + Khi Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề như hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông: cổ đông liên 	<ul style="list-style-type: none"> e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Ứng cử và đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này; b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. 	
--	--	--

<p>quan không có quyền biểu quyết để quyết định các vấn đề này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bất kỳ thay đổi nào về quyền biểu quyết phải được các cổ đông sở hữu loại cổ phần bị ảnh hưởng bất lợi bởi sự thay đổi đó biểu quyết thông qua. <p>(ii) Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông, cổ đông có quyền đề nghị Công ty không thực hiện các nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. - Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; + Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	<p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp”.</p>	
---	--	--

(iii) Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:

- Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

- Cổ đông phải tuân thủ quy định nội bộ của Công ty về thủ tục cung cấp thông tin và tài liệu như sau: Công ty cung cấp tài liệu cho cổ đông kiểm tra tại trụ sở trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông. Cổ đông phải thanh toán cho Công ty chi phí sao chụp tài liệu.

(iv) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần:

Trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình tại bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận của cơ quan quản lý, Công ty hoặc các cổ đông khác.

(v) Quyền được ưu tiên mua chứng khoán:

- Cổ đông có quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển đổi trước khi Công ty chào bán cho bên thứ ba. Quyền được ưu tiên mua tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông đang sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua chứng khoán của mình cho người khác hoặc có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền được ưu tiên mua chứng khoán.

(vi) Quyền được nhận tài sản khi thanh lý Công ty:

- Nếu Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông có quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ cho các

chủ nợ.

- Thứ tự thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật.

(vii) Quyền khởi kiện nhân danh Công ty:

- Cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu quyết định đó trái với quy định của pháp luật hiện hành.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (1%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho

<p>lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <ul style="list-style-type: none">+ Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.- Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. <p>(ix) Quyền được nhận cổ tức:</p> <p>Mức chi trả cổ tức, hình thức trả cổ tức cho cổ đông do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng mức chi trả cổ tức không được cao hơn mức mà Hội đồng quản trị kiến nghị.</p> <p>(x) Quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà chưa bầu được Hội đồng quản trị mới thay thế.		
--	--	--

	<p>- Trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.</p> <p>(xi) Các quyền khác phù hợp với pháp luật hiện hành.</p>		
17	<p>Điều 16 Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <p>“a. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản a Điều 16 Nghĩa vụ của cổ đông Điều lệ như sau:</p> <p>“Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</p>	Sửa cho phù hợp với thực tế
18	Bỏ điều 18. Chứng chỉ cổ phiếu		
19	<p>Điểm e Khoản 1 Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá</p>	<p>Sửa đổi Điểm e Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ như sau:</p> <p>“e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo</p>	Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế;

	trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”;	cáo tài chính gần nhất của Công ty”;	
20	<p>Tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông:</p> <p>“a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam”.</p>	<p>“a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam”.</p>	
21	<p>Khoản 3 Điều 22 Điều lệ về Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị; còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (x) điểm a khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung Khoản 3 Điều 22 Điều lệ như sau:</p> <p>“3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3)</p>	<p>Sửa cho Phù hợp với Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành tại Phụ lục 1 Thông tư 95</p>

	<p>d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.</p>	<p>so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả cá cổ đông có liên quan);</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>f) Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.</p>	
22	<p>Khoản 4 Điều 22 Điều lệ về Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“4. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, đồng thời cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 22 như sau:</p> <p>“4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản</p>	<p>Sửa cho phù hợp với quy định Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông”.</p>	<p>0 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d khoản 0 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại”.</p>	
23	<p>Tại Khoản 1 Điều 23 về Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung Khoản 1 Điều 23 như sau:</p> <p>““1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b) Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;</p>	<p>Sửa cho phù hợp với quy chế quản trị áp dụng công ty đại chúng</p>

	<p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền”.</p>	<p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn.</p>	
24		<p>Bổ sung Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 23 Điều lệ như sau:</p> <p>“2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p>	<p>Phù hợp với thực tế tại Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

		<p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>k. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>l. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p>	
--	--	--	--

		<p>n. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội</p>	
--	--	---	--

		đồng cổ đông; Nội dung ủy quyền cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định bằng văn bản”.	
25	<p>Tại điểm a Khoản 2 Điều 23 về Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông”;</p>	<p>Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 23 về Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>“a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 30 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông”;</p>	<p>Sửa cho phù hợp với thực tế và Luật doanh nghiệp 2014 Theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</p>
26		<p>Bổ sung điểm d, e Khoản 8 và bổ sung Khoản 9 Điều 23 của Điều lệ như sau:</p> <p>Điểm d Khoản 8. Các vấn đề liên quan đến nội dung bí mật kinh doanh, chiến lược kinh doanh của công ty</p> <p>Điểm e Khoản 8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Khoản 9. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	

27	<p>Khoản 2, Khoản 3 Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 của Điều lệ như sau:</p> <p>“2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp”.</p>	
28	<p>Khoản 2 Điều 26. Thủ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2 Điều 26 của Điều lệ như sau:</p> <p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết</p>	<p>Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Luật doanh nghiệp 2014</p>

	<p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông sẽ giơ thẻ biểu quyết thể hiện việc tán thành, không tán thành và có ý kiến khác theo việc chủ trì của Đoàn chủ tịch, sau đó, cổ đông sẽ tích (x) vào các vấn đề tán thành, không tán thành và có ý kiến khác. Kết quả kiểm phiếu được Đoàn Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Cuối cuộc họp, toàn bộ thẻ biểu quyết đã có chữ ký của cổ đông sẽ được thu lại lưu trữ tài liệu họp”.</p>	<p>một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông sẽ giơ thẻ biểu quyết thể hiện việc tán thành, không tán thành và có ý kiến khác theo việc chủ trì của Đoàn chủ tịch, sau đó, cổ đông sẽ tích (x) vào các vấn đề tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Đoàn Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Cuối cuộc họp, toàn bộ thẻ biểu quyết đã có chữ ký của cổ đông sẽ được thu lại lưu trữ tài liệu họp”.</p>	
29	<p>Khoản 6 Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p>	

	không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp chính thức dự định khai mạc”.	<p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc”;</p>	
30	<p>Khoản 3 Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên”.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 3 Điều 28 của Điều lệ như sau:</p> <p>“3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định”.</p>	
31		Bổ sung Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
32		Bổ sung Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	

		<p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>2. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty như quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
33	<p>Khoản 1 Điều 30 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau”.</p>	<p>Sửa Khoản 1 Điều 30 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng”.</p>	

34		<p>Bổ sung Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>“7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>8. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được”.</p>	
35	<p>Điểm a Khoản 10 Điều 33. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:</p>	<p>Sửa đổi Điểm a Khoản 10 Điều 33 của Điều lệ như sau:</p> <p>- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:</p>	

<p>- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định của pháp luật:</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>+ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài</p>	<p>+ Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>+ Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng,</p>	
---	---	--

	<p>chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	
36	<p>Khoản 1 Điều 34 Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>“ 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: 04 thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 03 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo</p>	<p>Sửa Khoản 1 Điều 34 Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>“ 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: tối thiểu là 03 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 03 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị độc lập”.</p>	<p>Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế và tình hình quản trị công ty niêm yết</p>

	phương thức làm tròn xuống”.		
37	<p>Khoản 3 Điều 35 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>“3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết)”.</p>	<p>Sửa Khoản 3 Điều 35 Điều lệ như sau:</p> <p>“3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết)”.</p>	Sửa cho phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và thông tư 07
38	<p>Điểm b, c Khoản 1 Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>“b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn xin từ chức”;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điểm b, c Khoản 1 Điều 37 của Điều lệ như sau:</p> <p>“b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>c. Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận”;</p>	
		<p>Bổ sung Khoản 3 Điều 37 của Điều lệ:</p> <p>“3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong</p>	

		<p>trường hợp sau:</p> <p>a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này”.</p>	
39	<p>Khoản 4 Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>“4. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản</p>	<p>Sửa Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ như sau:</p> <p>“4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị và những Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được thông qua sẽ không bị vô hiệu”.</p>	

	trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị”.		
40	Khoản 2 Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị: “ 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên”.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 39 của Điều lệ như sau: “2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành”.	Sửa cho phù hợp với quy chế quản trị áp dụng cho công ty đại chúng
41		Bổ sung Điều 41. Người phụ trách quản trị Công ty	Cho phù hợp với tình hình quản trị áp dụng cho công ty đại chúng
42	Khoản 2, Khoản 3 Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc: “2. Sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng”. “3. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác”.	Sửa Khoản 2 Điều 43 như sau: “2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng tối thiểu là ba (03) năm”. Sửa đổi Khoản 3 Điều 43 như sau: “3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng thành viên cho công ty chứng	

		khoán khác; Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác”.	
43	<p>Khoản 3 Điều 47. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:</p> <p>“3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty”.</p>	<p>Sửa Khoản 3 Điều 47 như sau:</p> <p>“3. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông”. 	
44		Bổ sung Khoản 3 Điều 49 Tiêu chuẩn và điều kiện làm	Sửa cho phù hợp với tình hình thực tế

		<p>thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>“3. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng”.</p>	
45	<p>Điểm c Khoản 1 Điều 50 Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>“c. Có đơn xin từ chức”;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 50 của Điều lệ như sau:</p> <p>“c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận”;</p>	
46	<p>Khoản 1 Điều 68 Ngày hiệu lực:</p> <p>“1. Bản điều lệ này gồm XIV chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này”.</p>	<p>Sửa Khoản 1 Điều 68 Ngày hiệu lực:</p> <p>“1. Bản điều lệ này gồm XIV chương 71 điều, được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này”.</p>	<p>Sửa cho phù hợp với ngày thực tế thông qua Điều lệ</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Sửa đổi lần 05, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Hà Nội
ngày 02 tháng 08 năm 2018 theo Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ)*

Hà Nội, tháng 08 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	8
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	8
Điều 5. Mục tiêu hoạt động	9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động	9
Điều 7. Quyền của Công ty.....	10
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	11
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	13
CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ; CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG	15
Mục 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	15
Điều 10. Vốn điều lệ	15
Điều 11. Các loại cổ phần.....	15
Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu	16
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác	17
Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 15. Mua lại cổ phần	18
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ	19
Mục 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	19
Điều 17. Quyền của cổ đông của Công ty.....	19
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21
Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông	21
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	22
Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty.....	22
I. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 22. Các đại diện được uỷ quyền	23
Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 26. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 27. Bầu dồn phiếu	32
Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 29. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 30. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	36

II. Hội đồng quản trị.....	37
Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	37
Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị ..	41
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	43
Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ..	45
Điều 38. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành	46
Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị	46
Điều 40. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	47
Điều 41: Người phụ trách quản trị Công ty.....	49
III. Ban Tổng Giám đốc.....	50
Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc.....	50
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	52
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	53
Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	53
IV. Ban Kiểm soát	54
Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	54
Điều 47. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	58
Điều 48. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	58
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	59
Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	59
CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	60
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	60
Điều 52. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.....	60
CHƯƠNG 5. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH	62
Điều 53. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc	62
Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	62
CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	63
Điều 55. Người lao động và công đoàn.....	63
CHƯƠNG 7. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	63
Điều 56. Năm tài chính	63
Điều 57. Hệ thống kế toán.....	64
Điều 58. Kiểm toán.....	64
Điều 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	64
CHƯƠNG 8. CON DẤU	65
Điều 60. Con dấu	65
CHƯƠNG 9. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ.....	65
Điều 61. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận	65

Điều 62. Xử lý lỗ trong kinh doanh	65
Điều 63. Trích lập các Quỹ theo quy định	65
CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	66
Điều 64. Tổ chức lại công ty	66
Điều 65. Chấm dứt hoạt động.....	66
Điều 66. Thanh lý	66
Điều 67. Phá sản	67
CHƯƠNG 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	67
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	67
Điều 69. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông 68	
CHƯƠNG 12. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC	68
Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	68
Điều 71. Ngày hiệu lực.....	69

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn cầu;
- Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu – được thành lập theo giấy phép số: 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008
- Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số:/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tổ chức ngày 06 tháng 07 năm 2018.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn cầu
 - b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- e) “Điều khoản” là một Điều khoản của Điều lệ này;
- f) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- g) “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008;
- h) “Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- j) “Cổ đông” là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.
- k) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- l) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- m) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- n) “Cổ phiếu” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- o) “Trái phiếu” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
- p) “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu
 - b) Tên Tiếng Anh: Vinaglobal Securities Corporation
 - c) Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu
 - d) Tên viết tắt: Vinaglobal
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 - b) Điện thoại: (84-24) 3377 6699 Fax: (84-24) 3222 3070
 - c) Email: info@vgs.vn
 - d) Website: vgs.vn
4. Cơ cấu tổ chức:

a) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK chấp thuận;

b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm a khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;

c) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Công ty phấn đấu để trở thành một trong số các công ty chứng khoán hàng đầu của thị trường tài chính Việt Nam.

2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.

3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

8. Nguyên tắc khác phù hợp với pháp luật hiện hành:

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
- Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
- Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

- Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;

- Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

5. Các quyền khác phù hợp với pháp luật hiện hành:

- Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
- Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành.

- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

- Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ; kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;

f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;

l) Nguyên tắc khác phù hợp với pháp luật hiện hành

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c) Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định).

- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;

- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;

- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

d) Nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách

hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d) Chi đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j) Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toà, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

- Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k) Nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng

không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;

e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;

g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;

j) Quy định cấm và hạn chế khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

a) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;

c) Không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

d) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty;

e) Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người

hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;

f) Quy định cấm và hạn chế khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;

b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

d) Quy định cấm khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ; CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

Mục 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng).
2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.500.000 cổ phần (Ba triệu năm trăm nghìn cổ phần). Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này gồm chỉ có Cổ phần phổ thông: 3.500.000 cổ phần (Ba triệu năm trăm nghìn cổ phần);

Tùy theo tình hình thị trường tài chính, tùy theo nhu cầu tài trợ và sử dụng vốn của

Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông đề quyết định phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi khác như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương thức áp dụng. Quyền của các cổ phần ưu đãi này (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong các trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

3. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Đặc điểm của các loại cổ phần:

Cổ phần phổ thông: mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền tham gia vào quá trình đưa ra các quyết định của Công ty dưới hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và

chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu

3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 54. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần

a) Công ty được chào bán cổ phiếu khi được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác

c) Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của công ty thì thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán;

d) Công ty phải đăng ký với UBCK Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu;

e) Phương thức và thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện theo quy định tại các văn bản về chào bán cổ phiếu.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

a) Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.

c) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền lợi nhận cổ tức.

Điều 65. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu trên.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức

thâm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 76. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

- Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật; bao gồm cả hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa chủ nợ và công ty chứng khoán;

- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần;

- Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào công ty;

- Phát hành cổ phiếu mới để trả cổ tức; Phát hành cổ phiếu thưởng;

- Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 87. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Ứng cử và đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ

lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp.

Điều 98. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

b) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác;

e) Các nghĩa vụ khác:

- Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

Nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành

Điều 19. Sở đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này (do Công ty quyết định).
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thì dữ liệu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lưu trữ sẽ có hiệu lực.
6. Quy định khác do phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

Cơ cấu tổ chức điều hành của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

g) Thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi;

h) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;

i) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;

j) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

l) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

m) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

n) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành. Các nội dung ủy quyền phải được ghi cụ thể trong Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của ĐHĐCĐ bằng văn bản.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 22. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:

a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCK và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f) Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d khoản **Error! Reference source not found.** Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- k. Quyết định các khoản đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

1. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông; Nội dung ủy quyền cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định bằng văn bản.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 30 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.** Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp;

c) Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;

d) Gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo

họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty, công bố thông tin theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định của Luật Doanh nghiệp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường họp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường họp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại tiết Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này;
- c) Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các vấn đề liên quan đến nội dung bí mật kinh doanh, chiến lược kinh doanh của công ty
- e) Các trường họp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

9. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường họp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là họp lệ kể cả trong trường

hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp và Điều 22 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông sẽ giơ thẻ biểu quyết thể hiện việc tán thành, không tán thành và có ý kiến khác theo việc chủ trì của Đoàn chủ tịch, sau đó, cổ đông sẽ tích (x) vào các vấn đề tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Đoàn Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Cuối cuộc họp, toàn bộ thẻ biểu quyết đã có chữ ký của cổ đông sẽ được thu lại lưu trữ tài liệu họp.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. **Bố trí, tổ chức** để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Bầu dồn phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và 01 ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và 03 ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị và 04 ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc cổ đông khác đề cử.

4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp có quyền biểu quyết tán thành:

2. Các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, hoặc được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Tổ chức lại, giải thể công ty

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu

tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện

theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 30. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.

2. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty như quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 33. Thâm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán,

chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135, khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

o) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám

đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

p) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

q) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

r) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

8. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

10. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

+ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:

+ Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

+ Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

+ Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền

công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Quyền khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: tối thiểu là 03 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam

phải có tối thiểu 03 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị độc lập.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Những ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết).

4. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

5. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng tối thiểu mỗi quý phải tổ chức họp một (01) lần.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có

quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

d) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng

cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị và những Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được thông qua sẽ không bị vô hiệu

Điều 38. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc), kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty (quy định cụ thể theo Thông tư quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng).

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;

- g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
- h) Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị;
- i) Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- j) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
- k) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- l) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- m) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- n) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
- o) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- p) Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 40. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:

- a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f) Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;
 - m) Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - d) Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;

d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 41: Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. Ban Tổng Giám đốc

Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 05 năm.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
- b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
- c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- f) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Tuyển dụng lao động;
- j) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- k) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

- a) Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

- Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng tối thiểu là ba (03) năm.

3. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

4. Không bị UBCKNN xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.

5. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

6. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán và các quy định có liên quan.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.

2. Có đơn xin từ chức.

3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Không hoàn thành các nhiệm vụ được phân công và các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

- e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, trong công ty chứng khoán;
 - c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - e) Yêu cầu khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
- a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b) Xác định rủi ro của Công ty;
 - c) Đo lường rủi ro;
 - d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:
- a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (iii) điểm a khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;

e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

f) Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;

i) Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc

của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCK bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

j) Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vi thể xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

l) Nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Ban Kiểm soát:

a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

c) Được cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

d) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng

các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 47. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là không quá 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 48. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.
2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 02 lần.

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 tổng số thành viên tham dự.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.

4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

5. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

e) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên Ban kiểm soát không hoàn thành được công việc, nhiệm vụ được phân công;

b) Vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

4. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 52. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG 5. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH

Điều 53. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ban giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc.
6. Các vấn đề Ban giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông

phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 55. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 57. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán để thực hiện kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi

cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.

2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. CON DẤU

Điều 60. Con dấu

Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật

CHƯƠNG 9. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 61. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 62. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 63. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 64. Tổ chức lại công ty

- Công ty có quyền tổ chức lại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty sau được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.
- Trình tự và thủ tục thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Điều 65. Chấm dứt hoạt động

- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Công ty bị cấp có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định giải thể này phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

Điều 66. Thanh lý

- Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của công ty tại thời điểm giải thể. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

2. Thành viên của Ban thanh lý phải có tối thiểu một kiểm toán viên hoặc một chuyên gia của tổ chức định giá. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

3. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm thành lập và bắt đầu hoạt động, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý phải có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 67. Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

CHƯƠNG 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần (hoặc thời gian khác do công ty quy định) từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 69. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

CHƯƠNG 12. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì

những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XIV chương 71 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b. 02 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGUYỄN THỊ ÁNH